

## PHONG TỤC PHÂN CHIA ĐẤT ĐAI CỦA NGƯỜI CHĂM THEO CHẾ ĐỘ MẪU HỆ TRONG BỐI CẢNH BÌNH ĐẲNG GIỚI HIỆN NAY

NGÔ THỊ PHƯƠNG LAN

### 1. Đặt vấn đề

Người Chăm có lịch sử gắn với nền văn minh Champa ở vùng duyên hải Nam Trung Bộ. Hiện nay, người Chăm có 161.729 người (Ban Chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương, 2010, tr. 15), cư trú ở các tỉnh phía Nam như Khánh Hòa, Bình Định, Ninh Thuận, Bình Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Tây Ninh, và An Giang.

Khi đề cập đến chế độ xã hội của người Chăm và các dân tộc khác trong ngữ hệ Mã Lai - Đa Đảo cũng như một số dân tộc thuộc nhóm ngôn ngữ Môn - Khơ-me (Mnông, Cơ-ho) thường được cho là theo chế độ mẫu hệ. Theo đó, yếu tố huyết thống, quyền thừa kế tài sản và cư trú sau hôn nhân thường được cho là các chỉ báo đặc trưng [Nguyễn Khắc Ngữ, 1967; Viện Dân tộc học, 1983; Phan Xuân Biên (Chủ biên), 1989, 1991; Văn Thị Thanh Nhân, 2005; Krông Y Tuyên và cộng sự, 2005; Phú Văn Hân, 2013].

Khi miêu tả các đặc trưng của chế độ mẫu hệ Chăm, các công trình cũng đã dựa trên các tiêu chí đề cập ở trên. Phan Xuân Biên (1989a) đã nhấn mạnh đến yếu tố dòng họ trong sự phân biệt với thuật ngữ “*kut*”, “*chiêt atâu*”. Theo tác giả, thuật ngữ “*gâup*” (hay “*gâup gan*”) dùng để chỉ “thiết chế xã

hội bao gồm những người có quan hệ huyết thống với nhau tính theo hệ mẹ, có chung một bà tổ tòn tại trong thực tế. Thành viên của một dòng họ bao gồm người phụ nữ vốn là chủ gia đình, con em của họ, kể cả những người đàn ông đã đi lấy vợ và cư trú phía dòng họ của vợ” (tr. 151). Đặc biệt, tác giả còn nhấn mạnh đến vai trò thực hiện nghi lễ, thờ cúng tổ tiên cũng như quản lý tài sản của người phụ nữ chủ gia đình. Về thừa kế tài sản, tác giả cho biết tài sản quan trọng thường là ruộng đất. Người quản lý số ruộng đất “là người đàn bà chủ nhà”. Các tài sản khác như nhà cửa, các đồ dùng trong nhà, trâu bò và các loại gia cầm là tài sản chung của gia đình nhưng do “người đàn bà chủ nhà nắm giữ và có quyền tối cao”. Tài sản được truyền kế cho con gái, đặc biệt con gái út được nhận nhiều hơn cả vì người con gái út sẽ ở với cha mẹ và có trách nhiệm nuôi cha mẹ lúc già yếu (Phan Xuân Biên, 1989b, tr. 179). Bá Trung Phụ (1996) phân tích rất rõ mối quan hệ giới trong chế độ mẫu hệ và các phong tục tập quán ưu tiên cho phụ nữ trong chế độ này. Theo tác giả, trong chế độ mẫu hệ, “địa vị của người phụ nữ trong đại gia đình hơn hẳn nam giới”, phụ nữ là “chủ gia đình”, vị thế này sẽ được truyền cho con gái, thường là con gái út khi người mẹ già yếu. Đàn ông có vai trò quan trọng trong

hoạt động kinh tế và trong “tiểu gia đình”. Ngoài sản xuất, người phụ nữ còn đảm đương các việc nội trợ, nuôi dạy con cái, truyền lại nghề cổ truyền. Con cái sinh ra được thừa kế về vật chất cũng như về tinh thần và cả một hệ thống tập tục mẫu hệ. Trong hôn nhân, phụ nữ chủ động và cưới chồng. Trong ma chay, phụ nữ làm chủ tang và nghi lễ. Phụ nữ cũng là người chủ sở hữu nhà cửa, ruộng đất, tiền bạc, đồ đựng trâu cau và đồ trang sức (tr. 36-39). Tương tự vậy, Đình Hy (1998) cho thấy trong xã hội mẫu hệ của người Chăm, người phụ nữ giữ vai trò quyết định trong các lĩnh vực như gia đình, dòng họ, thờ cúng và vấn đề thừa kế ruộng đất, tài sản là dành cho phụ nữ. Trong xã hội này, cư trú sau hôn nhân là ở bên vợ. Chi tiết về tác động của chế độ mẫu hệ đối với sự vận động và biến đổi đời sống tộc người Chăm, Ngô Thị Chính và Tạ Long (2007) đã cho thấy trong xã hội mẫu hệ của người Chăm theo Balamôn hay Islam mới và cũ (Bani) ở Ninh Thuận và Bình Thuận, tín đồ của cả ba đạo đều tuân thủ chế độ mẫu hệ trong hôn nhân và đời sống gia đình. Cụ thể, trong hôn nhân, nữ cưới chồng và đàn ông phải cư trú bên nhà vợ. Đàn ông là người trụ cột thể hiện qua việc gánh vác các công việc nặng nhọc. Tuy nhiên, tài sản làm ra là thuộc bên vợ. Khi chết đi thì thân xác người đàn ông được đưa về nghĩa địa bên mẹ. Phụ nữ là người thực hiện nghĩa vụ thờ cúng tổ tiên (tr. 85-100). Phú Văn Hãn (2013) cho thấy đặc trưng của chế độ mẫu hệ là tuy phụ nữ là người chủ gia đình, các ưu tiên về tài sản là dành cho con gái trong gia đình nhưng nam giới có vai trò khá quan trọng trong gia đình và xã hội. Tác giả cũng cho rằng sự phát triển kinh tế - xã hội đã dẫn đến sự biến đổi của mẫu hệ người

Chăm; theo đó, các yếu tố mẫu hệ có suy giảm, xuất hiện yếu tố phụ hệ...

Điềm qua một số công trình nghiên cứu, chúng tôi thấy, các tác giả cùng chia sẻ các đặc trưng thể hiện của chế độ mẫu hệ của tộc người Chăm. Tuy nhiên, thực hành của đặc trưng này cần được thể hiện chi tiết hơn trong bối cảnh xã hội có nhiều biến đổi như hiện nay. Đặc biệt trong việc phân chia tài sản, quan trọng nhất là đất đai, cơ sở sinh tồn chính yếu của tộc người cần có thêm những phân tích chi tiết cụ thể. Do vậy, bài viết này hướng đến việc tìm hiểu phong tục phân chia đất đai của tộc người Chăm theo chế độ mẫu hệ trong bối cảnh hiện nay. Trong bối cảnh Việt Nam đang thực hiện Luật bình đẳng giới, việc nghiên cứu sự tương tác giữa luật tục và luật pháp càng trở nên có ý nghĩa quan trọng.

Hiện nay, người Chăm ở Ninh Thuận có tất cả 22 làng (*palei*) thuộc 13 xã và 4 huyện thị (Ninh Phước, Ninh Hải, Ninh Sơn, thị xã Phan Rang - Tháp Chàm). Người Chăm chia thành hai cộng đồng: Chăm Ahiêr (chịu ảnh hưởng của Balamôn giáo) và Chăm Awal (chịu ảnh hưởng của Islam). Trong tổng số 22 *palei* có 15 làng Chăm Ahiêr và 7 làng Chăm Awal (Ban Tôn giáo Chính phủ, <http://btgcp.gov.vn>). Ninh Phước là huyện có tộc người Chăm sinh sống đông nhất ở tỉnh Ninh Thuận, với gần 50.000 người (chiếm hơn 30% dân số toàn huyện) (Đảng Cộng sản Việt Nam, <http://dangcongsan.vn>).

Tìm hiểu về phong tục phân chia đất đai, chúng tôi giới hạn nghiên cứu của mình ở cộng đồng người Chăm ở huyện Ninh Phước của tỉnh Ninh Thuận, do cộng đồng này còn bảo lưu đậm nét các sinh hoạt của văn hóa mẫu hệ. Tuy có cùng nguồn gốc

nhưng người Chăm ở vùng đồng bằng sông Cửu Long do yếu tố đặc thù lịch sử đã theo chế độ phụ hệ. Dữ liệu nghiên cứu của chúng tôi dựa trên đợt khảo sát thực tế sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính, tại cộng đồng người Chăm Balamôn tại hai xã Phước Hữu (thôn Hậu Sanh và Hữu Đức) và Phước Thái (thôn Hoài Trung và Thái Giao) của huyện Ninh Phước vào năm 2012. Đây là hai trong số các xã có đông người Chăm sinh sống tại Ninh Phước<sup>1</sup>.

Qua nghiên cứu về phong tục phân chia đất đai của cộng đồng người Chăm, chúng tôi muốn khảo sát sự vận hành của tổ chức xã hội này trong bối cảnh xã hội Việt Nam hiện nay vốn nhấn mạnh đến sự bình đẳng giữa nam và nữ.

## **2. Việt Nam - Một quốc gia đang phát triển hướng đến bình đẳng giới**

Bình đẳng giới nói chung được thể chế hóa trong Hiến pháp Việt Nam các năm 1946 (Điều 9), 1959 (Điều 24), 1980 (Điều 63), 1992 (Điều 26) và 2013 (Điều 26). Năm 1982, Việt Nam đã phê chuẩn Công ước xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ (CEDAW). Năm 2006, Việt Nam đã thông qua Luật bình đẳng giới và năm 2007 thông qua Luật ngăn chặn và chống bạo lực gia đình. Các quyền bình đẳng giữa nam và nữ gồm có quyền được làm việc, được hưởng lương như nhau, quyền sở hữu, thừa kế và quyền lựa chọn bạn đời khi kết hôn hoặc ly hôn được nhiều

luật bảo vệ như Bộ luật Lao động, Luật Đất đai và Luật Hôn nhân và Gia đình. Khung pháp lý do Chính phủ thiết lập liên quan đến vấn đề bình đẳng giới được thể hiện trong thực tế thông qua hàng loạt các chính sách và điều khoản luật cụ thể như Luật Đất đai 2013, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Luật Bình đẳng giới năm 2006, Luật Dân sự 2005... Ví dụ, Điều 33 của Luật Hôn nhân và Gia đình cũng quy định: “*Quyền sử dụng đất mà vợ, chồng có được sau khi kết hôn là tài sản chung của vợ chồng*”; Trọn cả Điều 62 của Luật này quy định rất rõ về chia quyền sử dụng đất tùy theo các loại đất sở hữu của vợ chồng khi ly hôn. Chính phủ còn ban hành các nghị định để cụ thể hóa các luật này trong thực tiễn, chẳng hạn như Quyết định số 1241/QĐ-TTg ngày 22/7/2011 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2015 hay Quyết định số 56/2001/QĐ-TTg ngày 14/10/2011 về phê duyệt ban hành Bộ Chỉ số quốc gia về phát triển giới... Các nghị quyết và chiến lược quốc gia được đặt ra như Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị về Công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước (2007), Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới (2011 - 2020)...

Bên cạnh sự tác động các luật của Chính phủ, Việt Nam còn là điểm thu hút sự quan tâm của các tổ chức phi chính phủ trong hoạt động thúc đẩy bình đẳng giới. Có thể kể đến một số tổ chức, chương trình và dự án như: *Đối tác hành động giới* (Gender Action Partnership) được thiết lập năm 1999 thuộc Ngân hàng Thế giới với vai trò là Nhóm làm việc của các Nhà tài trợ về Giới, có trách nhiệm thúc đẩy bình đẳng giới ở Việt Nam và cung cấp các hỗ trợ mang tính chiến lược để tiếp tục thảo luận và xây dựng

<sup>1</sup> Bài viết này dựa một phần trên một phần tư liệu của cuộc khảo sát “Tiếp cận đất đai của phụ nữ trong xã hội Việt Nam đương đại” do UNDP tại Việt Nam tài trợ cho nhóm nghiên cứu Nhung Tuyết Trần (Trưởng nhóm), Hoàng Cẩm, Lê Thanh Sang, Nguyễn Thị Phương Châm, Ngô Thị Phương Lan, và Vũ Thành Long vào năm 2012. Việc sử dụng kết quả khảo sát phục vụ cho bài viết đã được sự đồng ý của UNDP.

luật pháp về các vấn đề giới. Thành viên gồm có đại diện của các cơ quan chính phủ Việt Nam, các tổ chức phi chính phủ trong nước, các tổ chức quốc tế, và các chương trình của Liên Hiệp Quốc hiện đang làm việc trực tiếp cũng như gián tiếp về vấn đề bình đẳng giới. Ủy ban Quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ (NCFAW) đóng vai trò ban thư ký cho GAP, quản lý đăng ký và liên lạc giữa các thành viên, và định hướng chương trình hoạt động. GAP đã hoạt động để thúc đẩy các quan hệ đối tác giữa các nhóm tổ chức nói trên, cũng như các quan hệ đối tác giữa các bộ ngành trong nội bộ chính phủ Việt Nam (World Bank).

Nhờ vào nỗ lực hoạt động của các tổ chức chính phủ, các tổ chức hội đoàn, các cơ quan truyền thông, báo chí và các tổ chức phi chính phủ trong thời gian qua đã góp phần nâng cao nhận thức của người dân về bình đẳng giới, giúp cho Việt Nam đạt được những thành tựu quan trọng trong bình đẳng giới. Tăng cường bình đẳng giới và nâng cao năng lực, vị thế cho phụ nữ là một trong những mục tiêu của thiên niên kỷ mà Việt Nam là một trong những điểm sáng trong chương trình chung của Liên Hiệp Quốc. Theo đánh giá của UNDP tại Việt Nam, Việt Nam đã rất thành công trong việc nâng cao tỷ lệ trẻ em gái học tiểu học và trung học cơ sở. Hiện tại, tỷ lệ nhập học tiểu học đối với trẻ em gái là 91,5% và trẻ em trai là 92,3%. Tỷ lệ nhập học trung học cơ sở là 82,6% đối với trẻ em gái và 80,1% đối với trẻ em trai. Tỷ lệ nhập học trung học phổ thông của trẻ em gái là 63,1% và của trẻ em trai là 53,7%. Tỷ lệ phụ nữ tham gia vào lực lượng lao động là 73% trong khi tỷ lệ của nam giới là 82%. Hiện nay, tỷ lệ phụ nữ tham gia vào Quốc hội là 24,4% (UNDP).

Như vậy, Việt Nam trong tiến trình phát triển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa cũng đã coi trọng các vấn đề xã hội bên cạnh phát triển kinh tế. Trong quá trình này, khía cạnh giới đặc biệt được chú trọng. Biểu hiện của sự bình đẳng này thể hiện trong rất nhiều khía cạnh đa dạng của xã hội.

Qua khảo sát các luật của Việt Nam, chúng tôi thấy đất đai và nhà ở là tài sản quan trọng. Để điều tiết các mối quan hệ xã hội liên quan đến tài sản quan trọng này theo hướng bình đẳng giới, Nhà nước đã ban hành các luật rất cụ thể. Trong bối cảnh như vậy, nghiên cứu của chúng tôi cho thấy, mặc dù có những nỗ lực rất lớn của Nhà nước trong việc thực hiện quyền bình đẳng giữa nam và nữ trong mọi lĩnh vực, đặc biệt là trong vấn đề phân chia tài sản, bao gồm đất đai, nhưng ở cộng đồng tộc người Chăm phong tục tập quán vẫn là một thiết chế quan trọng chi phối ràng buộc các cá nhân. Theo đó, phụ nữ vẫn tiếp tục có được quyền ưu tiên về phân chia đất đai.

### **3. Thực hành phân chia đất đai của người Chăm trong bối cảnh hiện nay**

Gia đình là đơn vị cơ bản của xã hội, là nơi các cá nhân gắn bó với nhau qua quan hệ hôn nhân và huyết thống. Dòng họ là sự mở rộng của các gia đình dựa trên mối quan hệ huyết thống. Tuy nhiên, việc xác định “huyết thống” của dòng họ có tính xã hội. Theo đó, dòng họ phụ hệ, mẫu hệ hay song hệ là do quy ước của từng xã hội. Theo đó, mỗi xã hội sẽ có những thực hành dòng họ khác biệt tương ứng. Đối với dòng họ phụ hệ, chẳng hạn như của người Việt trong bối cảnh của xã hội truyền thống miền Bắc Việt Nam, gia đình và dòng họ là nền tảng quan trọng hình thành làng xã. Làng của người

Việt ở miền Bắc có đặc điểm cư trú theo dòng họ và quan hệ họ hàng là mô hình theo hướng nam giới chiếm vai trò chủ đạo (Phan Đại Doãn, 2004, tr. 12; Kleinen, 2007, tr. 187). Cộng đồng người Việt ở miền Nam cũng thể hiện quy tắc trên nhưng ở diện mạo khác theo hướng những người được cho là “dòng họ ruột” hay “bà con gần” là gia đình của cả phía bên cha lẫn bên mẹ và cơ sở để hình thành đơn vị cư trú là “các dòng họ” (Ngô Văn Lệ, 2010; Ngô Thị Phương Lan, 2014). Đối với dòng họ phụ hệ, các nghiên cứu cho thấy, đặc điểm tiêu biểu là con cái theo họ cha, thờ cúng dòng họ bên cha, cư trú sau hôn nhân thường ở bên chồng, và người chủ yếu thừa kế tài sản là con trai (Hickey, 1964; Ngô Văn Lệ, 2010; Ngô Thị Phương Lan, 2014). Đối với dòng họ mẫu hệ, chẳng hạn như của người Chăm đã đề cập ở phần trên, yếu tố huyết thống, thờ cúng dòng họ, quyền thừa kế tài sản và cư trú sau hôn nhân thuộc phía người phụ nữ. Mọi quan hệ giới trong chế độ mẫu hệ tộc người Chăm được thể hiện ở chỗ dù cho người phụ nữ đóng vai trò quan trọng trong tái sản xuất cấu trúc xã hội nhưng vai trò này chịu sự chi phối mạnh mẽ của người đàn ông. Người đàn ông là trụ cột chính về kinh tế, là “trưởng tộc” - người có quyền quyết định các việc liên quan đến họ tộc như giải quyết các tranh chấp và sắp xếp các sự việc, sự kiện trong cả họ tộc của dòng họ của người đàn ông và đôi khi của cả bên vợ. Như vậy, trong chế độ mẫu hệ này, người đàn ông có thể “không có quyền sở hữu” nhưng “có quyền quyết định”.

Ninh Thuận có tổng diện tích tự nhiên 335.833ha, trong đó đất sử dụng cho sản xuất nông nghiệp chiếm 266.679ha, đất phi nông nghiệp chiếm 29.231ha, đất chưa sử

dụng còn lại là 39.923ha. Theo đó, về cơ cấu, đất nông nghiệp chiếm diện tích lớn nhất với 79,41% tổng diện tích đất; trong đó, đất lâm nghiệp là chủ yếu với 186.259ha, bằng 69,8% đất nông nghiệp (UBND tỉnh Ninh Thuận, 2013, tr. 5). Với cơ cấu này, Ninh Thuận được đánh giá là tỉnh có tiềm năng lớn về phát triển nông lâm - thủy sản.

Trong điều kiện sinh thái của vùng Ninh Thuận, tộc người Chăm hiện sinh sống bằng các ngành nghề khác nhau như làm công nhân, công chức, buôn bán, nghề thủ công và nông nghiệp. Ở hai địa phương khảo sát, chúng tôi nhận thấy có hiện tượng có thành viên của các hộ gia đình phân tán đi khắp nơi chủ yếu vào các tỉnh Tây Nguyên, Thành phố Hồ Chí Minh và Đông Nam Bộ làm các ngành nghề khác nhau, và những người ở lại trong các làng dù theo đuổi nhiều ngành nghề nhưng nghề mưu sinh chủ yếu là làm nông nghiệp bao gồm trồng lúa, làm rẫy (trồng các cây lương thực, cây ăn quả) và chăn nuôi (bò, dê, cừu). Trong dòng họ mẫu hệ ở người Chăm tại Ninh Thuận, cộng đồng tộc người sinh sống bằng nông nghiệp nên đất đai là cơ sở kinh tế quan trọng thể hiện trong thực hành dòng họ, phân chia tài sản trong gia đình trực hệ và quan hệ hôn nhân.

#### ***Đất đai và việc nối dõi, trách nhiệm gia đình/ dòng họ và an sinh tuổi già***

Việc phân chia tài sản và nối dõi của gia đình các dân tộc mẫu hệ diễn ra ở một thái cực khác so với các dân tộc theo phụ hệ. Ở tộc người Chăm theo mẫu hệ, con gái được cho là người có trách nhiệm đối với thực hành dòng họ. Có con gái là một sự đảm bảo cho tương lai về già và của thế giới bên kia khi cha mẹ qua đời. Trách nhiệm đối

với cha mẹ và tổ tiên của những người con gái đó là chăm sóc cha mẹ khi về già, đảm nhận chi phí thực hiện các nghi lễ khi cha mẹ qua đời và các nghi lễ tiếp nối sau đó. Do vậy, con gái cũng là người được thừa hưởng tài sản từ cha mẹ. Các dân tộc theo mẫu hệ coi bên mẹ là “bên nội” và bên cha là “bên ngoại”. Ở tộc người Chăm phổ biến thực hành cha mẹ khi về già thường ở chung với con gái, và thường là con gái út, là người lập gia đình sau cùng trong các chị em. Trong trường hợp chỉ sinh được con trai thì họ sẽ xin hay mua con gái (thường là cháu trong họ bên vợ) về nuôi và khi về già sẽ ở với người con nuôi này. Người con gái nuôi sẽ được thừa hưởng tài sản để thực hành các trách nhiệm đối với dòng họ của mẹ nuôi. Ngay cả khi không xin được con nuôi, dù có con trai thì cha mẹ khi về già cũng không ở cùng với các con trai của họ.

Ở các gia đình mẫu hệ, cũng giống như ở các gia đình phụ hệ, duy trì nối dõi là tâm điểm của các thực hành văn hóa ở các cộng đồng, dẫn đến việc dòng họ mẫu hệ ưa thích có con gái. Người Chăm minh họa cho điểm này và lý giải cho việc không thể ở với con trai khi về già:

“Nếu không có con gái thì đi xin con nuôi, hay đi mua để nó lo cho mình. Nếu mua thì mua của người Việt. Con gái nuôi vẫn được phần [chia tài sản] nhiều hơn con trai ruột vì nó thờ mình. Khi chia tài sản ưu tiên cho con gái vì con gái thờ cha mẹ. Khi cha mẹ chết thì con trai đóng góp ít hơn con gái. Chỉ chia cho con trai khi nhà có nhiều đất và nhà bên vợ của con trai không có đất đai để làm ăn nhưng chủ yếu chỉ chia đất ruộng để làm ăn. Và đất ruộng này chỉ chia cho có một đời. Khi người con trai này mất đi thì đất

đó là của các chị em gái” (Đ.T.T, 65 tuổi, Ninh Thuận).

### ***Đất đai trong sự phân chia tài sản trong gia đình***

Ở tộc người Chăm, tài sản gia đình được chia đều cho con các con gái. Tuy nhiên, người con gái nào thờ cúng cha mẹ sẽ được phần nhiều hơn vì có trách nhiệm “nuôi cha mẹ”<sup>2</sup>. Thường người con gái này sẽ được cho nhà ở và phần đất đai của cha mẹ còn lại sau khi đã chia cho những người con khác. Sở hữu tài sản đất đai này được hiểu là quyền sử dụng vì chính thức đây là tài sản của cha mẹ và bất cứ lúc nào các chị em gái của người con gái đó cũng “có quyền” quay lại và sống ở đó.

Mặc dù nhiều gia đình nói đến sự phân chia tài sản gia đình giữa những người con gái như là một phong tục văn hóa lâu đời nhưng có nhiều nơi cho thấy phong tục này không chi phối hoàn toàn. Trong thực tế, hoàn cảnh kinh tế và thực tại số con trong gia đình chi phối những phong tục này.

Trong trường hợp đất canh tác là do Nhà nước chia theo nhân khẩu thì khi lập gia đình và ra ở riêng, mỗi người con gái sẽ được nhận phần chia như theo phần chia của Nhà nước. Tài sản là đất của người con gái chăm sóc và nuôi dưỡng cha mẹ sẽ bao gồm phần đất được Nhà nước chia, phần đất ở của cha mẹ, và đất vườn nhiều hơn những người con gái khác. Trong trường hợp đất canh tác hay thổ cư không đủ chia cho tất cả các con gái thì cha mẹ sẽ mua đất chia cho các con gái khi họ ra riêng.

<sup>2</sup> Khi cha mẹ qua đời, chi phí lo các đám cho cha mẹ trước và khi nhập *Kút* đều do các người con gái lo. Nếu người con trai có đóng góp thì chỉ là một phần để thể hiện sự hiếu thảo đối với cha mẹ.

Một gia đình người Chăm có thể có ba loại đất: đất ruộng (trồng lúa), đất rẫy (trồng cây ăn quả, ngô, bông vải...) và đất thổ cư. Mặc dù theo phong tục, chỉ có con gái có quyền hưởng tài sản đất đai của dòng mẹ nhưng trong thực tế, con trai cũng có được tài sản nhất định từ mẹ. Tuy nhiên, điều này chỉ xảy ra trong trường hợp gia đình riêng của người con trai gặp khó khăn, đó là khi “gia đình vợ nghèo” do “không có đất canh tác”. Người con trai trong trường hợp được “chia” tài sản sẽ chỉ được chia đất ruộng, đây được cho là cơ sở của sự sinh tồn của hộ gia đình; trong một số trường hợp còn được “chia” đất rẫy. Đất thổ cư thì “không bao giờ được chia”. Tuy nhiên, khái niệm “chia” ở đây chỉ mang tính chất tạm thời. Khi người con trai này qua đời, phần đất này phải được trả về cho các chị em gái hay cháu gái của dòng mẹ anh ta. Như vậy, người con trai dù có được chia đất nhưng chỉ được sử dụng trong một thế hệ. Mặc dù nguồn gốc đất canh tác của người Chăm chủ yếu là do Nhà nước phân chia theo nhân khẩu<sup>3</sup> nhưng khi lập gia đình và ra ở riêng dù cho người con trai có nằm trong hộ khẩu và được Nhà nước chia đất thì anh ta vẫn không được chia cho phần đất này mà chỉ được chia tài sản như bò hay tiền và vàng đối với nhà khá giả. Nhưng nếu họ cần đất canh tác thì họ cũng chỉ được canh tác trong một thế hệ. Mặc dù nhận thức luật bình đẳng của Nhà nước là đúng nhưng do tính chất đặc trưng là con gái là người lo cho cha mẹ nên người Chăm cho rằng việc chia cho con gái nhiều là “lẽ đương nhiên”. Trong phần chia giữa các chị em gái, người con gái nào chịu trách nhiệm

lo cho cha mẹ khi về già thì sẽ được nhiều hơn, đó là được thêm phần đất ở và đất canh tác của cha mẹ sau khi đã chia đều cho tất cả những người con gái. Lý do người Chăm không chia cho con trai là “con trai theo vợ là thuộc bên vợ chỉ lo cho bên vợ, không dành tình cảm cho cha mẹ ruột”. Do vậy, trong bối cảnh hiện nay, người Chăm khẳng định “bình đẳng là bình đẳng nhưng người Chăm dứt khoát không thể cho con trai nhiều”. Hiện nay, do nhiều động thái xã hội hướng đến sự bình đẳng nên thực hành phân chia cho con trai cũng diễn ra; tuy nhiên, sự phân chia này chỉ có tính chất tạm thời, người Chăm vẫn khẳng định ưu tiên là cho con gái.

Việc phân chia tài sản đất đai này diễn ra theo luật tục. Do vậy, dù hiện nay mọi người nhận thức về lợi ích của việc làm di chúc nhưng đối với người Chăm, việc lập di chúc chỉ xảy ra khi trường hợp cha mẹ sợ con cái có tranh chấp sau này. Việc này cũng chỉ diễn ra ở những gia đình có con cái “có đi làm, có sự hiểu biết”. Theo người dân, việc phân chia này dù có được hợp pháp hóa thông qua việc làm di chúc nhưng nó chỉ được “chính thức công nhận” khi được đem ra tộc họ thông qua.

***Đất đai trong quan hệ hôn nhân: cư trú bên vợ và sở hữu tài sản đất đai trong gia đình***

Trong xã hội người Chăm theo chế độ mẫu hệ, người con gái chủ động trong hôn nhân thể hiện ở phong tục nhà gái đi hỏi chồng cho con gái. Cư trú sau hôn nhân là bên vợ. Và do không được chia đất đai của phần bên gia đình trực hệ nên diện tích canh tác của hộ gia đình chủ yếu có nguồn gốc từ bên phía nhà gái. Dù là người đóng vai trò

<sup>3</sup> Ở Ninh Phước, Ninh Thuận vào đợt phân chia đất đai năm 1993, mỗi nhân khẩu được 1,7 sào, tương đương 1.700m<sup>2</sup> đất canh tác nông nghiệp.

quan trọng trong hoạt động kinh tế của gia đình nhưng nếu trong trường hợp phải ly hôn thì tài sản đó thuộc hoàn toàn bên vợ và các con. Trong bối cảnh hiện nay, luật tục Chăm vẫn giữ nguyên giá trị. Cụ thể như sau:

“Mấy năm gần đây cái luật lệ của Nhà nước ta có luật chia tài sản, nhưng ở trong tộc người Chăm cũng không thực hiện được. Ở đây chúng tôi cũng đã triển khai việc chia tài sản rồi nhưng ở đây thì cứ như vậy thôi” (N.T.V.A, nữ, 35 tuổi, Ninh Phước, Ninh Thuận).

Do quan niệm con cái là thuộc dòng mẹ và tài sản là sở hữu của phụ nữ nên trong quan hệ hôn nhân, người đàn ông chỉ có vai trò trong hoạt động kinh tế và là người quyết định các công việc trong gia đình. Liên quan đến đất đai, mặc dù đàn ông là người lao động chính trên mảnh đất của gia đình nhưng của cải làm ra cũng như việc quyền sử dụng mảnh đất đó là của người vợ, thể hiện trong quan niệm “vợ là người giữ tiền”. Dù cho hiện nay phổ biến việc làm giấy tờ đất với việc đứng tên hai vợ chồng nhưng theo người Chăm, đó chỉ là hình thức; điều quan trọng là theo luật tục, đất đai đó là của vợ và con. Điều này được dòng họ và mọi người công nhận. Trong những trường hợp ly hôn phải ra tòa, dù tòa có xử chia đôi tài sản nhưng “người đàn ông không bao giờ lấy” vì “anh ta sống không chỉ có mình anh ta mà còn họ tộc. Họ tộc đã chứng nhận cho hôn nhân đó thì anh ta không mặt mũi nào mà dám nhận vì sẽ xấu cho cả họ tộc của anh ta. Rồi người trong họ tộc đó dám lấy ai nữa...”.

Tóm lại, chế độ mẫu hệ của tộc người Chăm trong bối cảnh hiện nay vẫn bảo lưu những nét đặc trưng cơ bản dù tính chất quan hệ giữa nam và nữ đã được cho là “bình đẳng”. Thực hành dòng họ và quyền

thừa kế vẫn dành ưu tiên cho phụ nữ. Hiện nay, mặc dù có những nỗ lực rất lớn của Nhà nước trong việc thực hiện quyền bình đẳng giữa nam và nữ trong mọi lĩnh vực, đặc biệt là trong vấn đề phân chia tài sản, bao gồm đất đai nhưng ở cộng đồng tộc người Chăm phong tục tập quán vẫn là một thiết chế quan trọng chi phối ràng buộc các cá nhân. Luật của Nhà nước có tác động đến nhận thức của người dân nhưng vẫn chưa đi vào các thực hành trong cuộc sống do người Chăm là một cộng đồng có tính cố kết cao. Lịch sử văn hóa tộc người Chăm đã hình thành nên tính cố kết và chính đặc điểm này giúp bảo lưu các giá trị văn hóa truyền thống để tiếp tục tái sản sinh cộng đồng tộc người Chăm. Trong phong tục phân chia đất đai, phụ nữ vẫn tiếp tục có được quyền ưu tiên do trách nhiệm xã hội truyền thống gắn với các thực hành dòng họ. Dư luận xã hội là một cơ chế kiểm soát hữu hiệu hành vi của các cá nhân trong cộng đồng.

### Tài liệu tham khảo

1. Ban chỉ đạo Tổng điều tra dân số và Nhà ở Trung ương (2010), *Báo cáo kết quả chính thức tổng điều tra dân số và nhà ở 1/4/2009*, Hà Nội.
2. Ban Tôn giáo Chính phủ, “Công tác tôn giáo ở vùng đồng bào dân tộc Chăm Ninh Thuận hiện nay”, trên trang <http://btgcp.gov.vn> (truy cập ngày 4/11/2014).
3. Phan Xuân Biên (1989a), “Các loại hình tổ chức xã hội cổ truyền của người Chăm ở Thuận Hải”, trong: Phan Xuân Biên (Chủ biên), *Người Chăm ở Thuận Hải*, Sở Văn hóa Thông tin Thuận Hải.
4. Phan Xuân Biên (1989b), “Gia đình và hôn nhân của người Chăm ở Thuận Hải”, trong: Phan Xuân Biên (Chủ biên), *Người*

*Chăm ở Thuận Hải*, Sở Văn hóa Thông tin Thuận Hải.

5. Ngô Thị Chính và Tạ Long (2007), *Ảnh hưởng của các yếu tố tộc người tới phát triển kinh tế - xã hội của dân tộc Chăm ở Ninh Thuận và Bình Thuận*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

6. Phan Đại Doãn (2004), *Mấy vấn đề về văn hóa làng xã Việt Nam trong lịch sử*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

7. Phan Văn Dốp và Nguyễn Thị Nhung (2006), *Cộng đồng người Chăm Hồi giáo ở Nam bộ trong quan hệ giới và phát triển*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.

8. Đảng Cộng sản Việt Nam, “Huyện (Ninh Phước) Ninh Thuận: Đồng bào các làng Chăm vui mừng hướng về ngày bầu cử hội đồng nhân dân”, trên trang <http://dangcongsan.vn> (Công thông tin điện tử của Đảng Cộng sản Việt Nam).

9. Phú Văn Hãn (2013), “Mẫu hệ của người Chăm hiện nay”, Trung tâm UNESCO nghiên cứu và bảo tồn văn hóa Chăm, trên trang <http://www.chamunesco> (truy cập ngày 4/11/2014).

10. Hickey, Gerald Cannon (1964), *Village in Vietnam*, Yale University Press.

11. Đình Hy (1998), *Một số giải pháp và chính sách nhằm nâng cao vị trí xã hội cho phụ nữ tộc người Chăm theo tôn giáo Bà la môn ở tỉnh Ninh Thuận hiện nay*, Chương trình nghiên cứu Việt Nam - Hà Lan, Hà Nội.

12. Kleinen, John (2007), *Làng Việt: Đối diện tương lai, hồi sinh quá khứ*, Nxb Đà Nẵng.

13. Krông Y Tuyên và Trương Bi (2005), *Văn hóa Mẫu hệ M'ông*, Sở Văn hóa Thông tin Đắk Lắk.

14. Ngô Thị Phương Lan (2014), *Từ lúa sang tôm: hành vi giảm thiểu rủi ro và khai thác vốn xã hội của nông dân vùng đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb Đại học quốc gia TP. Hồ Chí Minh, TP. Hồ Chí Minh.

15. Ngô Văn Lệ (2010), “Làng và quan hệ dòng họ của người Việt Nam Bộ”, trong: *Hiện đại và động thái của truyền thống ở Việt Nam: Những cách tiếp cận nhân học*, quyển 1, Nxb Đại học quốc gia TP. Hồ Chí Minh, tr. 330-346.

16. Nguyễn Khắc Ngữ (1966), *Mẫu hệ Chăm*, Nxb Trình bày, Sài Gòn.

17. Văn Thị Thanh Nhân (2005), *Tìm hiểu quan hệ giới trong gia đình mẫu hệ của người Raglai*, Luận văn thạc sĩ.

18. Bá Trung Phụ (1996), *Gia đình và hôn nhân của người Chăm ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ chuyên ngành Dân tộc học.

19. Tổng cục thống kê (2012), *Niên giám thống kê năm 2012*, Nxb Thống kê, Hà Nội.

20. UBND tỉnh Ninh Thuận (2013), *Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020*, tháng 11 năm 2013.

21. UNDP, “Tăng cường bình đẳng giới và nâng cao năng lực, vị thế cho phụ nữ”, trên trang <http://www.vn.undp.org> [Trang điện tử của Chương trình Phát triển Liên hiệp Quốc (UNDP) tại Việt Nam].

22. Viện Dân tộc học (1983), *Sổ tay về các dân tộc ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

23. Worldbank, [www.worldbank.org](http://www.worldbank.org) (Trang điện tử Ngân hàng thế giới).